

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2020

**V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hà Toàn Thắng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Đức Hiền, Bà Nguyễn Thị Nhiều,
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Liên.
- ***Đại diện VKSND huyện Vũ Thư:*** Ông Bùi Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 10/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Q, huyện M, Thành phố H.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Tất L (C)**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V2, xã V1, huyệnV, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Chị Nguyễn Thị T) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh L do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện M, tỉnh V (nay là Thành phố H) ngày 14/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị T ở huyện M một thời gian, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L chơi bời lêu đẽ, cờ bạc, rượu chè, chị đã khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi mà còn chửi bới xúc phạm, có những lời nói và hành động thiếu tôn trọng gia đình chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, anh L về quê ở xã V1, huyệnV, tỉnh T sống với bố mẹ anh. Chị T và các con vẫn tiếp tục chung sống

với bố mẹ chị ở huyện M. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh L, không thể đoàn tụ được, nên chị xin ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008 hiện đang ở với chị T từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Ly hôn chị T xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh L trình bày: Anh kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 14/11/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện M, tỉnh V (nay là Thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì sợ ảnh hưởng đến các con.

Về quan hệ con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008 hiện đang ở với chị T từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Ly hôn anh L cũng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 5 năm 2020, UBND xã V1, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Anh L kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 14/11/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện M, tỉnh V (nay là Thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị Tâm ở huyện M, thành phố H đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, anh L về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh T. Chị T và các con vẫn tiếp tục chung sống với bố mẹ chị ở huyện M, thành phố H. Nay chị T xin ly hôn anh L thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, vì khả năng để anh chị đoàn tụ là rất khó.

Về quan hệ con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008 hiện đang ở với chị T từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết phù hợp với nguyện vọng của anh chị và của hai con chung để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung.

Về tài sản chung của anh L chị T, địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật và nguyện vọng của anh chị để giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã chấp hành một phần quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh L.
- Về con chung: Xử giao cả hai con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008 cho chị Tâm trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Anh L và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh L cư trú tại thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh L do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện M, tỉnh V (nay là Thành phố H) ngày 14/11/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị T ở huyện M một thời gian, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L chơi bời lêu đẽ, cờ bạc, rượu chè, chị đã khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi mà còn chửi bới xúc phạm, có những lời nói và hành động thiếu tôn trọng gia đình chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, anh về quê ở xã V1, huyện V, tỉnh T sống với bố mẹ anh. Chị T và các con vẫn tiếp tục chung sống với bố mẹ chị ở huyện M.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị T ly hôn anh L là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị T và anh L có 02 con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008 hiện đang ở với chị T từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Hai con chung đều có nguyện vọng ở với chị T. Vì vậy để đảm bảo sự ổn

định và quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị T trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Xét thấy chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đoàn Tất L (C).

2/ Quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Tất L có 02 con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008, hiện đang ở với chị T. Xử giao cả hai con chung là Đoàn Thanh B, sinh ngày 06/5/2006, và Đoàn Đức L1, sinh ngày 18/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Anh L và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Quan hệ về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Tất L đều không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4/ Án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003713 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
(Đã ký)**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã V1, huyện V;
- UBND xã Q, huyện M, thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hà Toàn Thắng